

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **2056/QĐ-BCT**

Hà Nội, ngày 14 tháng 6 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành mẫu Đề án xử lý, tiêu thụ tro, xỉ, thạch cao của các nhà máy nhiệt điện, hóa chất, phân bón

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 1696/QĐ-TTg ngày 23 tháng 9 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về một số giải pháp thực hiện xử lý tro, xỉ, thạch cao của các nhà máy nhiệt điện, nhà máy hóa chất phân bón để làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 452/QĐ-TTg ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án đẩy mạnh xử lý, sử dụng tro, xỉ, thạch cao của các nhà máy nhiệt điện, nhà máy hóa chất, phân bón làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng và trong các công trình xây dựng;

Căn cứ Văn bản số 523/TTg-CN ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về các vướng mắc một số quy định tại Quyết định số 452/QĐ-TTg ngày 12 tháng 4 năm 2018;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành mẫu “Đề án xử lý, tiêu thụ tro, xỉ, thạch cao của các nhà máy nhiệt điện, hóa chất, phân bón” (sau đây gọi là Đề án) kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ các cơ sở phát thải là các nhà máy nhiệt điện, hóa chất, phân bón (Nhà máy) thực hiện việc lập đề án xử lý và tiêu thụ tro xỉ, thạch cao theo mẫu Đề án phù hợp với Quyết định số 1696/QĐ-TTg ngày 23 tháng 9 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ.

Đối với các Nhà máy đang hoạt động phải lập Đề án và phê duyệt trước ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Đối với các Nhà máy đang trong quá trình xây dựng phải lập Đề án và phê duyệt trước khi đưa vào vận hành thương mại.

Đối với các Nhà máy đang chuẩn bị đầu tư phải lập Đề án trình phê duyệt cùng với dự án đầu tư.

Điều 3. Giao Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp chủ trì, phối hợp với các Cục: Điện lực và Năng lượng tái tạo, Công nghiệp và Hóa chất kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện Đề án, báo cáo Bộ Công Thương xử lý các trường hợp vi phạm không thực hiện Đề án.


Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- VPCP;
- Các Bộ: XD; TN&MT;
- Lãnh đạo Bộ;
- VP Bộ;
- Vụ: KH, KHCN;
- Cục: ATMT, DL, CN, HC;
- Lưu: VT, ATMT.



Trần Tuấn Anh


**XỬ LÝ, TIÊU THỤ TRO, XI, THẠCH CAO CỦA CÁC NHÀ MÁY
NHIỆT ĐIỆN HOẶC CHẤT, PHÂN BÓN**
(Kèm theo Quyết định số 205/QĐ-BCT ngày 14 tháng 6 năm 2018 của
Bộ trưởng Bộ Công Thương)

I. Sự cần thiết

Nêu tổng quan về thực trạng quản lý bãi tro, xỉ, thạch cao; các yêu cầu về xử lý, tiêu thụ tro xỉ và kế hoạch xử lý, tiêu thụ tro xỉ của nhà máy trong giai đoạn tới.

II. Mục tiêu

1. Mục tiêu chung

Đẩy nhanh việc xử lý và tiêu thụ tro, xỉ, thạch cao phát sinh tại nhà máy đáp ứng quy định tại Quyết định số 452/QĐ-TTg ngày 12/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Mục tiêu cụ thể

Xây dựng các giải pháp cụ thể để xử lý, tiêu thụ lượng tro, xỉ, thạch cao đáp ứng quy định tại Quyết định số 452/QĐ-TTg ngày 12/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

III. Nội dung của Đề án

1. Giới thiệu chung về nhà máy

- Tên nhà máy:
- Địa chỉ hoạt động:
- Tên Đại diện Lãnh đạo có thẩm quyền;
- Tên, điện thoại liên hệ của bộ phận phụ trách vấn đề xử lý, tiêu thụ tro xỉ của nhà máy:
- Nhu cầu sử dụng than, loại than sử dụng trung bình hàng năm:
- Thông tin mô tả quy mô, công suất của nhà máy:
- Thuyết minh công nghệ sản xuất chính của nhà máy, công nghệ xử lý tro, xỉ thạch cao làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng (trường hợp nhà máy có dây chuyền tự xử lý).

2. Đánh giá thực trạng thu gom, vận chuyển, lưu giữ tro, xỉ, thạch cao

2.1. Tình hình phát thải và thành phần, tính chất tro, xỉ, thạch cao

- Thực trạng phát thải của từng loại tro, xỉ, thạch cao từng năm (thống kê lượng phát sinh trong 5 năm gần nhất) đối với các nhà máy;
- Dự kiến lượng phát thải của từng loại tro, xỉ, thạch cao từng năm đối với các dự án;

- Đánh giá thành phần, tính chất hóa học của các loại tro, xỉ, thạch cao phát sinh tái cơ sở (kèm theo các kết quả phân tích thành phần của đơn vị có đủ chức năng).

2.2. Tình hình thu gom, vận chuyển, lưu giữ

- Thực trạng thu gom, vận chuyển, lưu giữ các loại tro, xỉ, thạch cao (mô tả thực tế các phương án thu gom, vận chuyển, lưu giữ tro, xỉ, thạch cao tại cơ sở; liệt kê các trang thiết bị, phương tiện phục vụ quá trình vận chuyển, lưu giữ tro xỉ) đối với các nhà máy đã đi vào hoạt động;

- Thực trạng bãi chứa tro, xỉ, thạch cao của nhà máy (thuyết minh cụ thể diện tích, thiết kế bãi chứa, hệ thống tiêu thoát nước, so sánh với cam kết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã phê duyệt; thuyết minh quy chế vận hành, quản lý bãi thải);

- Khối lượng tro, xỉ thạch cao phát sinh trong 2 năm sản xuất trung bình (theo tính toán) và khối lượng tro, xỉ, thạch cao đang tồn tại khu vực lưu trữ từ khi vận hành nhà máy đến thời điểm lập Đề án.

- Thực trạng các giải pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa sự cố môi trường trong quá trình thu gom, vận chuyển, lưu giữ tro, xỉ, thạch cao (thuyết minh cụ thể các hoạt động bảo vệ môi trường liên quan đến tro, xỉ, thạch cao, so sánh với các giải pháp đã cam kết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã phê duyệt).

3. Đánh giá thực trạng xử lý, tiêu thụ tro, xỉ, thạch cao (Áp dụng đối với các cơ sở đã đi vào hoạt động. Đối với các dự án, công trình chưa đi vào hoạt động chỉ nêu sơ bộ các thông tin về nhu cầu sử dụng tro xỉ trong quá trình phát triển kinh tế/ công nghiệp của khu vực)

3.1. Thực trạng tiêu thụ tro, xỉ, thạch cao của nhà máy:

- Lượng tro, xỉ, thạch cao được tiêu thụ hàng năm (5 năm gần nhất):

+ Làm nguyên liệu sản xuất xi măng, phụ gia xi măng.

+ Làm nguyên liệu sản xuất gạch nung.

+ Làm phụ gia bê tông.

+ Làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng không nung.

+ Làm vật liệu san lấp mặt bằng.

+ Làm vật liệu làm đường giao thông.

v.v....

- Khả năng lưu giữ tro xỉ tại khu vực lưu chứa trong những năm tiếp theo.

- Thông tin về các đối tác tiêu thụ tro, xỉ, thạch cao mà công ty đã ký hợp đồng (kèm theo bản sao hợp đồng đã ký).

3.2. Thuyết minh về các biện pháp xử lý tro, xỉ, thạch cao:

- Lượng tro, xỉ, thạch cao được xử lý hàng năm (5 năm gần nhất)

- Các thông số chất lượng của tro, xỉ thạch cao trước khi xử lý làm cơ sở để đánh giá, lựa chọn, đầu tư dây chuyền công nghệ xử lý tro, xỉ nêu trong phần 4.

- Thuyết minh giải pháp đầu tư đã thực hiện để xử lý tro, xỉ, thạch cao;

3.3. Thông tin phân tích về nhu cầu của Thị trường đối với tro, xỉ, thạch cao và các sản phẩm làm từ nguyên liệu là tro, xỉ, thạch cao của nhà máy

4. Phương án xử lý, tiêu thụ tro, xỉ, thạch cao trong giai đoạn tới

4.1. Đối với phương án (dự án) xử lý tro, xỉ, thạch cao do nhà máy tự đầu tư hoặc hợp tác đầu tư

- Tên phương án (dự án) đầu tư dây chuyền xử lý tro, xỉ, thạch cao.

- Địa điểm thực hiện phương án đầu tư.

- Quy mô, công suất xử lý tro, xỉ, thạch cao.

- Lượng tro, xỉ, thạch cao được xử lý đến năm 2020.

- Nhu cầu sử dụng đất cho phương án đầu tư.

- Thuyết minh công nghệ xử lý tro, xỉ, thạch cao dự kiến đầu tư.

+ Thuyết minh sơ đồ công nghệ xử lý.

+ Mô tả, thống kê thiết bị của dây chuyền xử lý tro, xỉ, thạch cao.

+ Các hạng mục bảo vệ môi trường trong quá trình xử lý tro, xỉ, thạch cao.

+ Khối lượng, chủng loại các loại sản phẩm tạo ra từ quá trình xử lý tro, xỉ, thạch cao.

+ Phân tích chỉ tiêu chất lượng của các sản phẩm.

- Phương án lưu chứa sản phẩm từ xử lý tro, xỉ, thạch cao tại nhà máy.

- Phương án tiêu thụ các loại sản phẩm tạo ra từ xử lý tro, xỉ, thạch cao.

- Phương án lưu giữ, xử lý lượng tro, xỉ, thạch cao còn lại.

4.2. Đối với phương án chuyển giao tro, xỉ, thạch cao phát sinh cho đơn vị khác xử lý, tiêu thụ

- Thông tin về các đơn vị tiếp nhận tro, xỉ, thạch cao của nhà máy (gồm tên đơn vị, địa chỉ, số điện thoại, giấy đăng ký kinh doanh, quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường của từng đơn vị).

- Hình thức chuyển giao tro, xỉ, thạch cao cho từng đơn vị (bán, thuê xử lý hoặc hình thức khác).

- Lượng tro, xỉ, thạch cao dự kiến chuyển giao cho từng đơn vị theo từng năm.

- Lượng tro, xỉ, thạch cao còn lưu giữ tại bãi chứa.

- Lượng tro, xỉ, thạch cao được xử lý đến năm 2020.

4.3. Xác định diện tích bãi chứa tro, xỉ, thạch cao

- Xác định diện tích bãi thải với dung lượng tối đa cho 2 năm sản xuất phù hợp với quy mô, công suất của nhà máy.

- Xác định diện tích bãi thải để đầu tư dây chuyền xử lý tro, xỉ, thạch cao và diện tích dự phòng hợp lý để đảm bảo an toàn cho nhà máy vận hành khi tiêu thụ tro, xỉ và thạch cao gặp khó khăn. Phần còn lại không có nhu cầu sử dụng, chủ đầu tư phối hợp với chính quyền địa phương lên phương án chuyển đổi mục đích sử dụng đất phù hợp với quy định pháp luật hiện hành về đất đai và đảm bảo thu hồi được vốn và giá trị đã đầu tư.

- Thuyết minh phương án chuyển đổi mục đích sử dụng đất đối với phần diện tích bãi thải dôi dư (nếu được phép sử dụng).

IV. Tổ chức thực hiện

1. Tiến độ thực hiện

- Tiến độ thực hiện các phương án xử lý, tiêu thụ tro, xỉ, thạch cao do nhà máy đặt ra (bám sát mục tiêu hoàn thành việc đầu tư xây dựng dây chuyền xử lý tro, xỉ, thạch cao theo Quyết định 452/QĐ-TTg).

- Thời hạn hoàn thành các giải pháp để đảm bảo xử lý và tiêu thụ được 100% lượng tro, xỉ, thạch cao phát thải mới (theo quy mô công suất của nhà máy).

- Thời hạn hoàn thành việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất đối với phần diện tích bãi thải dôi dư.

2. Nguồn kinh phí thực hiện phương án

- Tổng kinh phí thực hiện phương án:

Trong đó

+ Nguồn vốn tự có:

+ Nguồn vốn góp từ đơn vị khác:

+ Nguồn vốn vay:

+ Nguồn vốn khác:

3. Nguồn lực thực hiện đề án

- Tổng số lao động dự kiến để thực hiện đề án:

- Phương án bố trí nguồn nhân lực tại chỗ của nhà máy để thực hiện đề án.

- Phương án huy động nguồn nhân lực bên ngoài thực hiện đề án.

V. Kết luận

1. Kết luận

2. Cam kết

Địa danh, ngày tháng năm
ĐẠI DIỆN CHỦ CƠ SỞ PHÁT THẢI
(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)